

Số: 150/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 50/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 720/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1192/BC-HĐND ngày 04/12/2025 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức dịch vụ chi trả

b) Cơ quan, tổ chức trả phí cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức chi phí chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả và kinh phí thực hiện

1. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, như sau:

a) Đối với phương thức thanh toán thực hiện trực tiếp bằng tiền mặt: Bằng 1,8% trên tổng số tiền chi trả.

b) Đối với phương thức thanh toán thực hiện bằng phương tiện điện tử: Bằng 0,75% trên tổng số tiền chi trả.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khoá XV, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Y Tế;
- Cục KTVBQPPL và QLXPVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu VT, Linh (03b).

CHỦ TỊCH




Lò Minh Hùng